TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
TRUNG TÂM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

THỜI GIAN VÀ PHÒNG THI NHỮNG MÔN THI VIẾT

TRƯỜNG LIÊN KẾT: TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Đợt : 1 Năm học: 2021 - 2022

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thời gian thi Môn Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Phòng thi	Thời gian thi Môn Công tác quốc phòng và an ninh	Phòng thi	Ghi chú
1	4451050001	Mai Văn	An	26/02/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.1	
2	4451050002	Đặng Lê	Anh	29/10/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.1	
3	4451050024	Phạm Thị Hà	Châu	10/02/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.1	
4	4451050035	Phạm Quốc	Cường	02/05/1999	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.1	
5	4451050039	Võ Tuấn	Danh	20/08/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.1	
6	4451050041	Bùi Nguyễn Diễm	Quỳnh	02/11/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.1	
7	4451050046	Nguyễn Khánh	Duy	14/05/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.1	
8	4451050060	Đỗ Ngọc	Đạt	28/04/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.1	
9	4451050068	Trần Quốc	Đạt	30/04/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.1	
10	4451050078	Phạm Văn	Dồng	31/08/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.1	
11	4451050082	Trần Ngọc	Giàu	14/04/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.1	
12	4451050091	Nguyễn Võ Anh	Hào	10/07/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.1	
13	4451050092	Nguyễn Hoàng	Hải	13/07/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.1	
14	4451050099	Đỗ Thành	Hậu	28/12/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.1	

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thời gian thi Môn Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Phòng thi	Thời gian thi Môn Công tác quốc phòng và an ninh	Phòng thi	Ghi chú
15	4451050102	Đinh Ngô Minh	Hiếu	03/06/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.1	
16	4451050104	Nguyễn Ngọc	Hiếu	02/02/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.1	
17	4451050156	Lê Đình	Khải	26/11/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.1	
18	4451050173	Nguyễn Triệu	Lân	23/07/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.1	
19	4451050177	Lê Mai Đức	Tín	20/10/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.1	
20	4451050185	Lê Văn Thành	Long	18/04/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.1	
21	4451050197	Hồ Minh	Anh	20/06/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.1	
22	4451050206	Nguyễn Nhật	Nam	28/10/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.1	
23	4451050217	Dương Thành	Nghĩa	04/01/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.1	
24	4451050220	Bùi Lê	Nghị	03/09/1998	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.1	
25	4451050230	Phạm Võ Tuấn	Nguyên	20/08/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.1	
26	4451050233	Lê Minh	Nguyệt	16/02/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.1	
27	4451050277	Lê Hữu Thiện	Phúc	17/11/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.1	
28	4451050306	Lê Ngọc	Quý	15/08/1997	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.1	
29	4451050334	Mai Nguyễn Thành	Tiến	11/12/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.1	
30	4451050352	Phạm Hồng	Thiện	21/08/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.1	
31	4451050354	Trương Quang	Thiện	06/05/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.1	
32	4451050359	Nguyễn	Thịnh	27/04/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.1	

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thời gian thi Môn Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Phòng thi	Thời gian thi Môn Công tác quốc phòng và an ninh	Phòng thi	Ghi chú
33	4451050362	Nguyễn Văn	Thịnh	08/04/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.2	
34	4451050378	Nguyễn Anh	Thư	29/04/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.2	
35	4451050402	Nguyễn Duệ Vương	Triều	20/03/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.2	
36	4451050411	Nguyễn Đức	Trọng	15/12/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.2	
37	4451050415	Huỳnh Quốc	Trung	13/12/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.2	
38	4451050430	Bùi Ngọc	Tuấn	18/01/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.2	
39	4451050438	Phùng Gia	Tuyết	04/11/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.2	
40	4451050449	Lê Thị	Vi	30/04/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.2	
41	4451050450	Hồ Quốc	Việt	26/03/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.2	
42	4451050452	Võ Quốc	Việt	08/06/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.2	
43	4451050458	Nguyễn	Vọng	20/05/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.2	
44	4451050459	Nguyễn Anh	Vũ	22/06/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.2	
45	4451050468	Đinh Thị Lưu	Xuyến	10/10/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.2	
46	4451050469	Nay	Yanh	03/11/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.2	
47	4451050474	Võ Ngọc	Châu	07/01/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.2	
48	4451050475	Trương Công	Chương	21/08/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.2	
49	4451050481	Hồ Minh	Đăng	06/06/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.2	
50	4451050486	Phan Thanh	Hoàn	23/01/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.2	

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thời gian thi Môn Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Phòng thi	Thời gian thi Môn Công tác quốc phòng và an ninh	Phòng thi	Ghi chú
51	4451050491	Nguyễn Hữu	Huy	15/02/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.2	
52	4451050494	Trần Gia	Huy	01/11/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.2	
53	4451050516	Lê Xuân	Ngọc	04/05/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.2	
54	4451050524	Nguyễn Cao	Quý	27/04/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.2	
55	4451050527	Nguyễn Ngọc	Sơn	03/10/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.2	
56	4451050543	Trần Kim	Thoa	25/04/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.2	
57	4451050547	Nguyễn Mạnh	Tiến	29/10/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.2	
58	4451050565	Trần Duy	Chương	19/02/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.2	
59	4451050574	Lê Vũ Hoàng	Nam	16/09/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.2	
60	4451050580	Võ Tuấn	Kiệt	02/01/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.2	
61	4451050581	Hồ Xuân	Lâm	27/03/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.2	
62	4451050586	Nguyễn Ngọc	Luận	18/08/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.2	
63	4451050587	Trương Văn	Lượng	07/06/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.34.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.34.2	
64	4451050606	Ngô Mạnh	Tường	18/08/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.13	9h15 ngày 05/3/2022	A8.13	
65	4451050607	Nguyễn Thị Thu	Uyên	28/01/1999	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.13	9h15 ngày 05/3/2022	A8.13	
66	4451050009	Nguyễn Tấn	Anh	09/04/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.1	
67	4451050021	Trần Thanh	Bình	04/09/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.1	
68	4451050030	Bùi Văn	Cư	11/11/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.1	

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thời gian thi Môn Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Phòng thi	Thời gian thi Môn Công tác quốc phòng và an ninh	Phòng thi	Ghi chú
69	4451050072	Võ Thành	Đạt	10/10/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.1	
70	4451050077	Nguyễn Thành	Đông	04/04/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.1	
71	4451050083	Huỳnh Văn	Giảng	05/04/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.1	
72	4451050093	Nguyễn Võ Thanh	Hải	10/03/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.1	
73	4451050106	Nguyễn Trần Hoàng	Hiệp	10/03/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.1	
74	4451050113	Trần Duy	Hoàng	25/11/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.1	
75	4451050130	Nguyễn Nhật	Huy	25/07/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.1	
76	4451050134	Trần Quang	Huy	10/04/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.1	
77	4451050136	Trần Quốc	Huy	09/02/2002	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.1	
78	4451050144	Phan Lê	Hưng	11/11/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.1	
79	4451050147	Trần Phúc	Hưng	26/12/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.1	
80	4451050148	Võ Quang	Hưng	12/04/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.1	
81	4451050153	Nguyễn Đình Bảo	Khang	01/12/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.1	
82	4451050154	Nguyễn Trương Thái	Khang	28/10/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.1	
83	4451050155	Nguyễn Ngọc	Khả	25/11/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.1	
84	4451050184	Dương Thanh	Lịch	21/03/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.1	
85	4451050195	Đinh Tuấn	Minh	28/06/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.1	
86	4451050203	Đỗ Dự	Nam	21/06/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.1	

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thời gian thi Môn Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Phòng thi	Thời gian thi Môn Công tác quốc phòng và an ninh	Phòng thi	Ghi chú
87	4451050215	Trịnh Huỳnh Bảo	Ngân	18/10/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.1	
88	4451050225	Đoàn Võ	Nguyên	05/04/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.1	
89	4451050243	Huỳnh Long	Nhật	26/03/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.1	
90	4451050264	Vũ Phạm Thanh	Phong	27/04/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.1	
91	4451050269	Lê Đồng Gia	Phú	05/10/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.1	
92	4451050274	Trần Thiệu Minh	Phú	10/12/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.1	
93	4451050275	Đinh Ngọc	Phúc	31/01/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.1	
94	4451050276	Huỳnh Văn	Phúc	07/05/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.1	
95	4451050278	Nguyễn Hồng	Phúc	18/10/2000	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.1	
96	4451050282	Đinh Nhật	Phương	29/01/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.1	
97	4451050287	Phạm Minh	Quang	05/11/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.1	
98	4451050290	Huỳnh Văn	Quân	08/03/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.1	
99	4451050297	Võ Bá	Quốc	15/04/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.1	
100	4451050320	Ngô Văn	Sỹ	24/06/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.1	
101	4451050329	Nguyễn Duy	Thanh	28/12/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.1	
102	4451050344	Nguyễn Văn	Thắng	26/11/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.2	
103	4451050346	Thiều Quang	Thắng	05/09/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.2	
104	4451050367	Nguyễn Đình	Thông	03/02/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.2	

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thời gian thi Môn Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Phòng thi	Thời gian thi Môn Công tác quốc phòng và an ninh	Phòng thi	Ghi chú
105	4451050374	Vũ Nguyễn Phương	Thuỷ	16/03/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.2	
106	4451050403	Nguyễn Minh	Triều	02/08/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.2	
107	4451050414	Nguyễn Vũ Trọng	Quang	02/02/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.2	
108	4451050421	Võ Trung	Tấn	11/03/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.2	
109	4451050431	Lê Minh	Tuấn	22/01/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.2	
110	4451050457	Nguyễn Lê Hoàng	Vinh	21/05/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.2	
111	4451050467	Nguyễn Đình	Vỹ	25/10/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.2	
112	4451050480	Lê Quốc	Đạt	28/12/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.2	
113	4451050485	Nguyễn Minh	Hiếu	29/04/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.2	
114	4451050492	Nguyễn Đức Quang	Huy	02/10/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.2	
115	4451050500	Thân Thái Quang	Khải	25/12/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.2	
116	4451050505	Trần Tuấn	Kiệt	22/10/2002	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.2	
117	4451050510	Trần Tiến	Linh	20/12/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.2	
118	4451050523	Phạm Minh	Quân	12/03/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.2	
119	4451050525	Phạm Thành	Quý	22/01/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.2	
120	4451050537	Nguyễn Thành	Long	21/04/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.2	
121	4451050554	Nguyễn Hữu	Trin	19/05/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.2	
122	4451050555	Nguyễn Văn	Trình	10/07/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.2	

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thời gian thi Môn Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Phòng thi	Thời gian thi Môn Công tác quốc phòng và an ninh	Phòng thi	Ghi chú
123	4451050563	Cao Á	Bằng	02/09/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.2	
124	4451050597	Nguyễn Trung	Thuận	30/09/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.2	
125	4451050610	Hoàng Tuấn	Vũ	01/06/2002	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.2	
126	4451050011	Nguyễn Vũ Anh	Tuấn	20/07/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.1	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.1	
127	4451050025	Trần Đình	Chiến	29/01/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.1	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.1	
128	4451050080	Lê Anh	Đức	05/09/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.1	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.1	
129	4451050131	Nguyễn Quang	Huy	08/01/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.1	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.1	
130	4451050135	Trần Quang	Huy	09/09/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.1	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.1	
131	4451050140	Nguyễn Phi	Hùng	17/03/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.1	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.1	
132	4451050160	Trần Quốc	Khánh	12/02/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.1	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.1	
133	4451050168	Nguyễn Trọng	Kiệt	25/10/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.1	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.1	
134	4451050172	Trần Đặng	Lâm	29/04/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.1	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.1	
135	4451050227	Đỗ Nhất	Nguyên	14/01/2002	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.1	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.1	
136	4451050231	Bùi Duy	Nguyên	10/09/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.1	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.1	
137	4451050252	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	24/10/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.1	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.1	
138	4451050256	Nguyễn Minh	Phát	09/11/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.1	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.1	
139	4451050259	Hoàng Đại	Phong	07/03/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.1	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.1	
140	4451050261	Nguyễn Võ Tuấn	Phong	07/07/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.1	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.1	

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thời gian thi Môn Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Phòng thi	Thời gian thi Môn Công tác quốc phòng và an ninh	Phòng thi	Ghi chú
141	4451050267	Đỗ Hoàng	Phú	07/07/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.1	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.1	
142	4451050285	Lê Minh	Quang	11/09/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.1	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.1	
143	4451050311	Rơ Châm	Rin	27/06/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.1	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.1	
144	4451050313	Phạm	Sang	11/01/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.1	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.1	
145	4451050317	Đặng Hoàng	Sơn	28/02/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.1	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.1	
146	4451050360	Nguyễn Lê Hiếu	Thịnh	07/08/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.1	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.1	
147	4451050372	Trần Văn	Thuật	18/01/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.1	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.1	
148	4451050384	Trương Hoài	Tiến	13/06/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.1	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.1	
149	4451050393	Đinh Thị Thuỳ	Trang	03/12/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.1	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.1	
150	4451050401	Đỗ Văn	Triều	29/11/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.1	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.1	
151	4451050416	Nguyễn Đức	Trung	20/11/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.1	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.1	
152	4451050435	Trần Đức Anh	Tuấn	06/10/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.1	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.1	
153	4451050437	Lê Thị Thanh	Tuyền	01/06/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.1	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.1	
154	4451050462	Huỳnh Văn	Vương	02/03/2002	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.1	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.1	
155	4451050473	Võ Tuấn	Anh	07/09/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.1	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.1	
156	4451050479	Huỳnh Thị Thu	Dung	13/06/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.1	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.1	
157	4451050489	Mai Văn	Hoàng	30/12/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.1	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.1	
158	4451050495	Nguyễn Đình	Hưng	19/12/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.1	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.1	

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thời gian thi Môn Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Phòng thi	Thời gian thi Môn Công tác quốc phòng và an ninh	Phòng thi	Ghi chú
159	4451050519	Nguyễn Minh	Nhật	17/09/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.1	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.1	
160	4451050520	Đặng Văn Anh	Như	27/08/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.1	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.1	
161	4451050539	Huỳnh Long	Thiên	27/09/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.2	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.2	
162	4451050557	Phan Nguyên	Trường	01/01/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.2	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.2	
163	4451050567	Nguyễn Quốc	Duy	02/07/2002	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.2	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.2	
164	4451050569	Trần Quốc	Đạt	08/08/2002	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.2	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.2	
165	4451050604	Lê Công	Trứ	01/08/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.2	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.2	
166	4451050617	Nguyễn Thị Minh	Chân	02/06/2002	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.2	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.2	
167	4451050621	Lê Đình	Danh	12/06/2002	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.2	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.2	
168	4451050622	Đỗ Trần Nhật	Duy	11/05/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.2	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.2	
169	4451050629	Nguyễn Tuấn	Đạt	28/09/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.2	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.2	
170	4451050633	Đoàn Công	Hậu	10/06/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.2	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.2	
171	4451050635	Trần Duy	Hậu	13/06/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.2	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.2	
172	4451050639	Đặng Văn	Hoan	20/11/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.2	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.2	
173	4451050692	Nguyễn Phạm Tuấn	Phong	28/03/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.2	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.2	
174	4451050742	Trần Hữu	Tuấn	21/05/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.2	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.2	
175	4451050747	Nguyễn Xuân	Việt	01/02/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.2	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.2	
176	4451050750	Trần Nguyên	Vũ	22/07/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.2	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.2	

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thời gian thi Môn Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Phòng thi	Thời gian thi Môn Công tác quốc phòng và an ninh	Phòng thi	Ghi chú
177	4451050059	La Sô Thị	Đào	12/11/2002	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.1	
178	4451050167	Mai Nguyễn Anh	Kiệt	20/09/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.1	
179	4451050447	Trần Lê	Văn	23/09/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.1	
180	4451050470	Trần Đinh Thị Kim	Yến	21/02/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.1	
181	4451050605	Lê Anh	Tú	16/10/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.1	
182	4451050624	Nguyễn Quang	Dũng	01/08/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.1	
183	4451050625	Đặng Văn	Dương	20/06/2002	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.1	
184	4451050630	Trần Ý	Đô	26/06/2002	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.1	
185	4451050631	Hà Vĩ Quang	Quang	07/04/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.1	
186	4451050634	Hồ Xuân	Hậu	10/12/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.1	
187	4451050636	Bùi Mai	Hiên	24/09/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.1	
188	4451050641	Lê Văn Hoàng	Anh	07/07/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.1	
189	4451050647	Trần Linh	Huy	03/11/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.1	
190	4451050652	Nguyễn Thị Thanh	Hương	03/12/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.1	
191	4451050654	Huỳnh Văn	Hưởng	23/08/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.1	
192	4451050659	Lê Vũ	Kiệt	24/08/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.1	
193	4451050660	Bùi Quốc	Kiệt	26/02/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.1	
194	4451050663	Nguyễn Bá	Lâm	20/08/2002	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.1	
195	4451050665	Phan Thành	Lên	24/08/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.1	

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thời gian thi Môn Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Phòng thi	Thời gian thi Môn Công tác quốc phòng và an ninh	Phòng thi	Ghi chú
196	4451050668	Nguyễn Tấn	Lộc	16/12/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.1	
197	4451050669	Nguyễn Văn	Lộc	21/08/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.1	
198	4451050670	Đặng Trường	Lợi	01/10/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.1	
199	4451050678	Đỗ Thành	Nam	30/04/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.1	
200	4451050679	Rah Lan	Nganh	10/02/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.1	
201	4451050680	Nguyễn Lê Bích	Ngân	11/01/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.1	
202	4451050687	Nguyễn Thành	Nhân	02/02/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.1	
203	4451050690	Huỳnh Thịnh	Phát	04/08/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.1	
204	4451050696	Đoàn	Phú	27/03/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.1	
205	4451050697	Hoàng Xuân	Phúc	09/05/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.1	
206	4451050704	Nguyễn Nhất	Sinh	19/05/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.1	
207	4451050707	Nguyễn Anh	Tài	03/08/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.1	
208	4451050709	Nguyễn Phạm Anh	Tâm	07/10/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.1	
209	4451050710	Nguyễn Đặng Trường	Thành	31/07/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.1	
210	4451050712	Trần Hữu Nguyễn	Thành	18/02/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.1	
211	4451050715	Nguyễn Trọng	Thắng	15/03/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.1	
212	4451050716	Trần Nhất	Thắng	05/06/2002	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.1	
213	4451050720	Ngô Thanh	Thuận	29/06/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.1	
214	4451050736	Ung Thanh	Trí	08/01/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.1	

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thời gian thi Môn Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Phòng thi	Thời gian thi Môn Công tác quốc phòng và an ninh	Phòng thi	Ghi chú
215	4451050738	Nguyễn Minh	Trung	04/11/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.1	
216	4451050740	Nguyễn Minh	Tuấn	24/10/2002	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.2	
217	4451050743	Võ Như	Tuyết	14/06/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.2	
218	4451050749	Trần Lê Tuấn	Vũ	28/10/2002	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.2	
219	4451050753	Bùi Thị	Trúc	01/05/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.2	
220	4451050756	Lê Kim Tuấn	Anh	10/04/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.2	
221	4451050770	Phan Quốc	Chính	04/05/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.2	
222	4451050794	Nguyễn Thành	Duy	18/03/1995	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.2	
223	4451050811	Trần Thị Lệ	Hà	27/09/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.2	
224	4451050965	Nguyễn Văn	Thanh	07/12/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.2	
225	4451050980	Huỳnh Đức	Thịnh	02/01/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.2	
226	4451050990	Nguyễn Văn	Thuận	08/10/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.2	
227	4451050998	Huỳnh	Tiền	31/03/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.2	
228	4451050999	Hồ Xuân	Tiến	26/12/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.2	
229	4451051021	Nguyễn Văn	Trường	20/02/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.2	
230	4451051032	Nguyễn Sơn	Tùng	01/06/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.2	
231	4451051041	Lê Quốc	Việt	21/02/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.2	
232	4451051043	Phùng Thế	Vinh	03/03/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.2	
233	4451051048	Nguyễn Hồng	Vy	04/12/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.2	

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thời gian thi Môn Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Phòng thi	Thời gian thi Môn Công tác quốc phòng và an ninh	Phòng thi	Ghi chú
234	4451050176	Lê Hồ Tiến	Đạt	18/04/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.2	
235	4451050196	Phan Anh	Minh	24/12/2002	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.2	
236	4451050221	Nguyễn Thanh	Nghị	24/07/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.2	
237	4451050685	Nguyễn Nguyên	Ngọc	21/11/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.2	
238	4451050760	Lâm Gia	Bảo	06/09/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.2	
239	4451050764	Huỳnh Thị Ngọc	Bích	13/04/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.2	
240	4451050765	Hà Hữu	Các	18/11/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.2	
241	4451050769	Nguyễn Minh	Chí	22/11/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.2	
242	4451050771	Phạm Văn	Chính	28/07/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.2	
243	4451050772	Nguyễn Hoàng Thanh	Chương	01/02/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.2	
244	4451050774	Lê Trọng	Công	11/06/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.2	
245	4451050778	Nguyễn Khánh	Cường	25/10/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.2	
246	4451050786	Đặng Hoàng	Dung	16/06/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.2	
247	4451050789	Đặng Ngọc	Duy	20/09/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.2	
248	4451050795	Phan Tiến	Dũng	30/09/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.2	
249	4451050797	Phạm Quốc	Dỹ	08/01/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.2	
250	4451050816	Phan Huỳnh Tố	Hằng	26/03/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.2	
251	4451050829	Phạm Công	Hoàn	30/01/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.2	
252	4451050834	Trần Trương Huy	Hoàng	08/12/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.2	

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thời gian thi Môn Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Phòng thi	Thời gian thi Môn Công tác quốc phòng và an ninh	Phòng thi	Ghi chú
253	4451050838	Trương Thanh Thu	Huệ	22/10/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.54.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.54.2	
254	4451050841	Nguyễn Hoàng	Huy	05/12/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.23	9h15 ngày 05/3/2022	A8.23	
255	4451050845	Phạm Quốc	Huy	13/08/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.23	9h15 ngày 05/3/2022	A8.23	
256	4451050862	Lê Đoàn Kim	Khanh	07/07/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.23	9h15 ngày 05/3/2022	A8.23	
257	4451050869	Lê Tấn	Kiệt	15/10/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.23	9h15 ngày 05/3/2022	A8.23	
258	4451050885	Bùi Văn	Lĩnh	26/02/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.23	9h15 ngày 05/3/2022	A8.23	
259	4451050887	Nguyễn Hoàng	Long	04/08/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.23	9h15 ngày 05/3/2022	A8.23	
260	4451050893	Võ Minh	Luật	08/06/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.23	9h15 ngày 05/3/2022	A8.23	
261	4451050901	Ngô Thị Kim	Ngân	25/03/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.23	9h15 ngày 05/3/2022	A8.23	
262	4451050908	Hồ Quang	Nguyên	05/11/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.23	9h15 ngày 05/3/2022	A8.23	
263	4451050909	Nguyễn Hà	Nhân	21/02/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.23	9h15 ngày 05/3/2022	A8.23	
264	4451050914	Lê Đình	Nhật	04/07/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.23	9h15 ngày 05/3/2022	A8.23	
265	4451050923	Phạm Vĩnh	Phát	28/10/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.23	9h15 ngày 05/3/2022	A8.23	
266	4451050935	Nguyễn Thiên	Phúc	01/07/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.23	9h15 ngày 05/3/2022	A8.23	
267	4451050940	Hồ Minh	Quân	07/07/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.23	9h15 ngày 05/3/2022	A8.23	
268	4451050945	Lê Thị Hoa	Quyên	11/12/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.23	9h15 ngày 05/3/2022	A8.23	
269	4451050948	Bùi Tấn	Sang	15/10/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.23	9h15 ngày 05/3/2022	A8.23	
270	4451050952	Nguyễn Thiên	Sinh	28/05/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.23	9h15 ngày 05/3/2022	A8.23	
271	4451050961	Đặng Văn	Tân	12/02/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.23	9h15 ngày 05/3/2022	A8.23	

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thời gian thi Môn Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Phòng thi	Thời gian thi Môn Công tác quốc phòng và an ninh	Phòng thi	Ghi chú
272	4451050962	Võ Văn	Tân	18/02/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.23	9h15 ngày 05/3/2022	A8.23	
273	4451050969	Nguyễn Minh	Thái	07/06/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.23	9h15 ngày 05/3/2022	A8.23	
274	4451050971	Hồ Thị	Thắm	27/11/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.23	9h15 ngày 05/3/2022	A8.23	
275	4451050973	Nguyễn Đặng Toàn	Thắng	18/04/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.23	9h15 ngày 05/3/2022	A8.23	
276	4451050977	Hồ Trọng	Thi	27/09/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.23	9h15 ngày 05/3/2022	A8.23	
277	4451050978	Trần Thị Kim	Thi	03/11/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.23	9h15 ngày 05/3/2022	A8.23	
278	4451050984	Nguyễn Văn	Thịnh	16/09/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.23	9h15 ngày 05/3/2022	A8.23	
279	4451050989	Lê Văn	Thuận	07/06/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.23	9h15 ngày 05/3/2022	A8.23	
280	4451050992	Nguyễn Thị	Thuý	18/02/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.23	9h15 ngày 05/3/2022	A8.23	
281	4451050997	Nguyễn Trần	Tiền	02/07/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.23	9h15 ngày 05/3/2022	A8.23	
282	4451051006	Trương Văn	Toản	28/01/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.23	9h15 ngày 05/3/2022	A8.23	
283	4451051011	Nguyễn Huỳnh	Trí	25/07/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.23	9h15 ngày 05/3/2022	A8.23	
284	4451051037	Lê Đặng Ngọc	Vang	22/12/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.23	9h15 ngày 05/3/2022	A8.23	
285	4451051038	Võ Đình	Văn	22/10/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.23	9h15 ngày 05/3/2022	A8.23	
286	4451051039	Nguyễn Đặng Tường	Vi	09/01/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.23	9h15 ngày 05/3/2022	A8.23	
287	4451051055	Trương Duy	Hải	26/01/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.23	9h15 ngày 05/3/2022	A8.23	
288	4451051111	Trần Thị Thanh	Kiều	19/08/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.23	9h15 ngày 05/3/2022	A8.23	
289	4451051116	Hà Thị Mỹ	Lin	06/06/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.23	9h15 ngày 05/3/2022	A8.23	
290	4451051157	Nguyễn Chí	Viễn	21/08/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.23	9h15 ngày 05/3/2022	A8.23	

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thời gian thi Môn Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Phòng thi	Thời gian thi Môn Công tác quốc phòng và an ninh	Phòng thi	Ghi chú
291	4451051163	Đoàn Vỹ	Vỹ	26/10/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.23	9h15 ngày 05/3/2022	A8.23	
292	4451050202	Ca Quốc	Nam	25/12/2002	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.4	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.4	
293	4451050579	Nguyễn Hữu Gia	Kiệt	19/08/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.4	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.4	
294	4451050761	Nguyễn Quốc	Bảo	15/12/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.4	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.4	
295	4451050805	Huỳnh Thanh	Đồng	19/03/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.4	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.4	
296	4451050840	Nguyễn Đình	Huy	14/07/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.4	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.4	
297	4451050855	Phạm Duy	Hưng	22/07/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.4	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.4	
298	4451050884	Trương Nguyễn Diệu	Linh	10/07/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.4	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.4	
299	4451050894	Nguyễn Đình	Lưu	07/12/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.4	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.4	
300	4451050928	Bùi Thanh	Phú	23/01/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.4	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.4	
301	4451050941	Huỳnh Thế	Quân	10/09/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.4	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.4	
302	4451050996	Nguyễn Văn	Tiên	16/12/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.4	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.4	
303	4451051003	Liễu Xuân	Tiện	21/03/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.4	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.4	
304	4451051007	Huỳnh Ngọc	Trang	03/09/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.4	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.4	
305	4451051008	Hán Thị	Triều	01/06/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.4	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.4	
306	4451051017	Bạch Xuân	Trường	02/10/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.4	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.4	
307	4451051018	Bùi Đan	Trường	12/02/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.4	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.4	
308	4451051070	Hoàng Tấn	Đạt	09/05/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.4	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.4	

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thời gian thi Môn Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Phòng thi	Thời gian thi Môn Công tác quốc phòng và an ninh	Phòng thi	Ghi chú
309	4451051078	Nguyễn Xuân	An	19/08/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.4	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.4	
310	4451051085	Lê Ngọc	Bảo	25/11/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.4	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.4	
311	4451051093	Nguyễn Quang	Duy	03/06/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.4	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.4	
312	4451051100	Nguyễn Văn	Hào	06/10/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.4	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.4	
313	4451051101	Nguyễn Thanh	Hải	06/10/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.4	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.4	
314	4451051105	Đinh Quốc	Hoà	07/08/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.4	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.4	
315	4451051108	Phạm Thiện	Hữu	16/03/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.4	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.4	
316	4451051112	Huỳnh Lam	Kiệt	01/09/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.4	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.4	
317	4451051113	Trần Anh	Kiệt	10/12/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.4	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.4	
318	4451051114	Phan Ngọc	Lễ	20/10/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.4	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.4	
319	4451051124	Ksor H	Ngọc	22/08/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.4	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.4	
320	4451051125	Mai Đinh Như	Ngọc	20/11/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.4	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.4	
321	4451051145	Phạm Lê Quang	Thiện	08/06/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.4	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.4	
322	4451051151	Lê Khắc	Tính	06/01/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.4	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.4	
323	4451051152	Võ Kế	Tính	02/10/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.4	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.4	
324	4451051154	Nguyễn Ngọc	Trình	02/03/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.1	
325	4451051155	Đặng Lê Hoài	Trung	06/09/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.1	
326	4451051159	Lâm Đình	Vị	09/11/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.1	

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thời gian thi Môn Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Phòng thi	Thời gian thi Môn Công tác quốc phòng và an ninh	Phòng thi	Ghi chú
327	4451051164	Hoàng	Yến	26/03/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.1	
328	4451051170	Bùi Ánh	Nguyệt	08/06/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.1	
329	4451140019	Ngô Thị Thu	Hạnh	15/08/2002	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.2	
330	4451140022	Cao Thanh	Hoàng	26/09/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.2	
331	4451140027	Huỳnh Phúc	Khang	16/10/2000	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.2	
332	4451140042	Đặng Minh	Nguyệt	16/09/2002	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.2	
333	4451140057	Võ Thành	Sang	10/12/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.2	
334	4451140061	Nguyễn Trường	Thi	12/08/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.2	
335	4451140062	Nguyễn Hồ Bảo	Thiên	30/07/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.2	
336	4451140064	Nguyễn Minh	Thuận	06/01/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.2	
337	4451140071	Lê Cao	Trí	25/03/1999	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.2	
338	4451140087	Trần Minh	Nhật	17/07/2002	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.2	
339	4451140092	Hồ Quốc	Huy	21/01/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.2	
340	4451140093	Trương Bích	Thảo	05/10/2001	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.44.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.44.2	
341	4451140096	Nguyễn Tấn	Hưng	18/10/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.22	9h15 ngày 05/3/2022	A8.22	
342	4451140104	Hà Thanh	Bắc	25/09/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.22	9h15 ngày 05/3/2022	A8.22	
343	4451140105	Trà Trần Quý	Bình	17/09/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.22	9h15 ngày 05/3/2022	A8.22	
344	4451140107	Nguyễn Lê Hữu	Đang	18/07/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.22	9h15 ngày 05/3/2022	A8.22	

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thời gian thi Môn Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Phòng thi	Thời gian thi Môn Công tác quốc phòng và an ninh	Phòng thi	Ghi chú
345	4451140109	Lê Thị Thu	Hiếu	02/01/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.22	9h15 ngày 05/3/2022	A8.22	
346	4451140110	Trần Huy	Hoàng	25/08/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.22	9h15 ngày 05/3/2022	A8.22	
347	4451140114	Đào Thị Yến	Như	18/06/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.22	9h15 ngày 05/3/2022	A8.22	
348	4451140115	Phan Thị Kiều	Oanh	20/10/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.22	9h15 ngày 05/3/2022	A8.22	
349	4451140116	Nguyễn Thị Hoài	Phương	26/08/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.22	9h15 ngày 05/3/2022	A8.22	
350	4451140123	Nguyễn Thị	Tiến	06/02/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.22	9h15 ngày 05/3/2022	A8.22	
351	4451140125	Nguyễn Ngọc Việt	Ý	19/11/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.22	9h15 ngày 05/3/2022	A8.22	
352	4451140126	Hoàng Như	Duy	02/02/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.22	9h15 ngày 05/3/2022	A8.22	
353	4451140127	Hồ Quốc	Dạt	26/12/2002	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.22	9h15 ngày 05/3/2022	A8.22	
354	4451140133	Nguyễn Ngọc	Nguyên	18/11/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.22	9h15 ngày 05/3/2022	A8.22	
355	4451140137	Mai Quỳnh Như	Quý	31/07/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.22	9h15 ngày 05/3/2022	A8.22	
356	4451140140	Nguyễn Thị	Thảo	16/06/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.22	9h15 ngày 05/3/2022	A8.22	
357	4451140141	Huỳnh Thị Anh	Thư	03/10/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.22	9h15 ngày 05/3/2022	A8.22	
358	4451140143	Trần Thị Huyền	Trang	09/11/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.22	9h15 ngày 05/3/2022	A8.22	
359	4451140145	Lê Thị Thuý	Trâm	20/07/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.22	9h15 ngày 05/3/2022	A8.22	
360	4451140146	Trần Khánh	Duyên	30/08/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.22	9h15 ngày 05/3/2022	A8.22	
361	4451190006	Tạ Phạm	Công	17/04/1997	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.13	9h15 ngày 05/3/2022	A8.13	
362	4451190019	Cao Nguyễn Xuân	Huy	15/06/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.13	9h15 ngày 05/3/2022	A8.13	

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thời gian thi Môn Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Phòng thi	Thời gian thi Môn Công tác quốc phòng và an ninh	Phòng thi	Ghi chú
363	4451190027	Trần Quốc	Khả	04/12/2002	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.13	9h15 ngày 05/3/2022	A8.13	
364	4451190037	Nguyễn	Phát	21/04/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.13	9h15 ngày 05/3/2022	A8.13	
365	4451190047	Hoàng Nguyễn Trung	Thanh	01/11/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.13	9h15 ngày 05/3/2022	A8.13	
366	4451190049	Nguyễn Đồng Thành	Danh	15/09/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.13	9h15 ngày 05/3/2022	A8.13	
367	4451190052	Trịnh Dương Minh	Thuận	28/08/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.13	9h15 ngày 05/3/2022	A8.13	
368	4451190056	Nguyễn Minh	Triết	01/12/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.13	9h15 ngày 05/3/2022	A8.13	
369	4451190061	Lê Minh	Trường	30/04/2002	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.13	9h15 ngày 05/3/2022	A8.13	
370	4451190062	Lê Xuân	Trường	19/01/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.13	9h15 ngày 05/3/2022	A8.13	
371	4451190065	Lê Anh	Tuấn	18/02/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.13	9h15 ngày 05/3/2022	A8.13	
372	4451190071	Cao Thanh	Vương	16/07/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.13	9h15 ngày 05/3/2022	A8.13	
373	4451190072	Trần Hồng	Vương	25/11/2001	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.13	9h15 ngày 05/3/2022	A8.13	
374	4451190079	Nguyễn Minh	Đăng	09/11/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.13	9h15 ngày 05/3/2022	A8.13	
375	4451190080	Trần Vĩnh Nam	Trung	05/08/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.13	9h15 ngày 05/3/2022	A8.13	
376	4451190083	Võ Lê Tuấn	Đạt	24/02/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.13	9h15 ngày 05/3/2022	A8.13	
377	4451190092	Thái Thanh	Thảo	05/05/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.13	9h15 ngày 05/3/2022	A8.13	
378	4451190095	Nguyễn Anh	Tú	24/12/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.13	9h15 ngày 05/3/2022	A8.13	
379	4451190096	Đặng Thành	Công	09/12/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.13	9h15 ngày 05/3/2022	A8.13	
380	4451190097	Lê Nguyễn Đức	Hiếu	06/11/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.13	9h15 ngày 05/3/2022	A8.13	

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thời gian thi Môn Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Phòng thi	Thời gian thi Môn Công tác quốc phòng và an ninh	Phòng thi	Ghi chú
381	4451190098	Lý Hoài	Khang	10/11/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.13	9h15 ngày 05/3/2022	A8.13	
382	4451190099	Lê Nhựt Minh	Quân	23/11/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.13	9h15 ngày 05/3/2022	A8.13	
383	4451190100	Nguyễn Thành	Quân	18/10/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.13	9h15 ngày 05/3/2022	A8.13	
384	4451190101	Phạm Trọng	Quỳnh	16/08/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.13	9h15 ngày 05/3/2022	A8.13	
385	4451190104	Phan Nguyệt Minh	Thư	15/07/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.13	9h15 ngày 05/3/2022	A8.13	
386	4451190107	Nguyễn Duy	Tùng	26/04/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.13	9h15 ngày 05/3/2022	A8.13	
387	4451190119	Thái Quang	Tình	24/08/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.13	9h15 ngày 05/3/2022	A8.13	
388	4451190123	Lê Chí	Đạt	18/03/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.13	9h15 ngày 05/3/2022	A8.13	
389	4451190129	Trần Công	Minh	15/10/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.13	9h15 ngày 05/3/2022	A8.13	
390	4451300005	Nguyễn Xuân	An	11/01/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.1	
391	4451300006	Trần Ngọc	An	10/07/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.1	
392	4451300013	Trần Hoàng	Bảo	01/10/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.1	
393	4451300014	Võ Lê Nguyên	Bá	12/11/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.1	
394	4451300021	Trương Chí	Công	28/12/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.1	
395	4451300029	Võ Minh	Duy	19/02/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.1	
396	4451300031	Nguyễn Công	Dũng	20/03/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.1	
397	4451300032	Võ Văn	Dương	06/03/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.1	
398	4451300039	Phạm Quốc	Đạt	26/02/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.1	

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thời gian thi Môn Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Phòng thi	Thời gian thi Môn Công tác quốc phòng và an ninh	Phòng thi	Ghi chú
399	4451300040	Trịnh Quốc	Đạt	01/01/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.1	
400	4451300050	Hồ Diệp	Đức	23/06/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.1	
401	4451300055	Đào Thanh	Hải	06/04/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.1	
402	4451300057	Nguyễn Ngọc	Hạng	16/08/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.1	
403	4451300060	Nguyễn Văn	Hậu	27/08/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.1	
404	4451300064	Võ Quang	Hiệp	12/04/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.1	
405	4451300068	Nguyễn Công	Hoà	19/11/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.1	
406	4451300071	Lê Minh	Hoàng	11/04/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.1	
407	4451300073	Lê Trần Minh	Hoàng	07/01/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.1	
408	4451300074	Phan Duy	Hoà	25/05/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.1	
409	4451300080	Nguyễn Hoàng	Huy	20/01/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.1	
410	4451300081	Nguyễn Quốc	Huy	20/11/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.1	
411	4451300087	Tạ Quốc	Huy	16/10/1994	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.1	
412	4451300094	Trần Lê	Kha	03/09/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.1	
413	4451300096	Lê Thế	Khải	19/08/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.1	
414	4451300101	Nguyễn Tấn	Khôi	28/02/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.1	
415	4451300103	Man Huỳnh	Kiệt	29/03/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.1	
416	4451300108	Trần Anh	Kiệt	01/02/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.1	
417	4451300112	Nguyễn Văn	Linh	02/09/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.1	

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thời gian thi Môn Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Phòng thi	Thời gian thi Môn Công tác quốc phòng và an ninh	Phòng thi	Ghi chú
418	4451300115	Lê Phúc	Lộc	13/09/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.1	
419	4451300119	Hồ Văn	Lợi	25/11/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.1	
420	4451300126	Lê Văn	Nam	26/01/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.1	
421	4451300129	Lê Minh	Nguyên	11/02/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.1	
422	4451300132	Phan Lê Kỳ	Nguyên	06/02/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.1	
423	4451300135	Hồ Nguyễn Ngọc	Nhật	10/11/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.1	
424	4451300136	Nguyễn Phạm Đình Lâm	Nhật	15/11/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.1	
425	4451300138	Bùi Văn	Pháp	17/04/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.1	
426	4451300142	Nguyễn Duy	Phú	19/08/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.1	
427	4451300147	Nguyễn Minh	Quang	07/10/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.2	
428	4451300153	Lê	Quyền	17/06/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.2	
429	4451300161	Nguyễn Minh	Sơn	15/12/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.2	
430	4451300167	Trần Sĩ Hứa Phước	Thành	18/08/1997	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.2	
431	4451300170	Hồ Đức	Thắng	10/12/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.2	
432	4451300199	Lê Minh	Trường	15/08/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.2	
433	4451300200	Nguyễn Nhật	Trường	04/01/2002	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.2	
434	4451300208	Nguyễn Tấn	Tuấn	17/08/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.2	
435	4451300214	Huỳnh Thanh	Tường	10/10/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.2	

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thời gian thi Môn Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Phòng thi	Thời gian thi Môn Công tác quốc phòng và an ninh	Phòng thi	Ghi chú
436	4451300224	Nguyễn Trần Hoàng	Việt	10/03/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.2	
437	4451300226	Đặng Quang	Vinh	02/02/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.2	
438	4451300242	Nguyễn Hồ Tiến	Dũng	14/09/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.2	
439	4451300244	Lê Quang	Đạt	30/04/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.2	
440	4451300247	Phan Đăng	Hiếu	23/07/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.2	
441	4451300248	Đặng Trung	Hiếu	01/01/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.2	
442	4451300249	Đoàn Minh	Hiếu	11/09/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.2	
443	4451300250	Lương Lý Trung	Hiếu	08/01/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.2	
444	4451300260	Nguyễn Trần Gia	Huynh	07/12/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.2	
445	4451300265	Trương Quang	Khải	05/07/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.2	
446	4451300350	Tăng Thành	Đạt	17/04/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.2	
447	4451300488	Võ	Diện	10/02/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.2	
448	4451300499	Nguyễn Quang	Huy	04/12/2001	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.2	
449	4451300526	Trương Tấn	Đạt	24/07/1903	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.2	
450	4451300010	Lê Quốc	Bảo	28/10/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.2	
451	4451300030	Hoàng Anh	Dũng	24/02/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.2	
452	4451300034	Châu Thành	Đạt	05/07/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.2	
453	4451300075	Lê Văn	Hoà	03/09/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.2	

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thời gian thi Môn Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Phòng thi	Thời gian thi Môn Công tác quốc phòng và an ninh	Phòng thi	Ghi chú
454	4451300077	Đặng Đan	Huy	24/07/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.2	
455	4451300090	Phạm Thành	Hưng	23/11/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.2	
456	4451300092	Lê Hoàng	Kha	18/02/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.2	
457	4451300095	Lê Văn	Khả	19/07/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.2	
458	4451300113	Nguyễn Hoàng	Long	27/04/2002	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.2	
459	4451300116	Phan Châu	Lộc	07/08/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.2	
460	4451300128	Trần Văn	Nghĩa	17/08/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.2	
461	4451300131	Nguyễn Văn	Nguyên	09/11/2002	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.2	
462	4451300141	Hồ Văn	Phi	13/04/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.24.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.24.2	
463	4451300149	Quang Anh	Quân	28/10/2002	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.12	9h15 ngày 05/3/2022	A8.12	
464	4451300164	Lê Chí	Tân	23/10/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.12	9h15 ngày 05/3/2022	A8.12	
465	4451300168	Nguyễn Văn	Thạch	16/02/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.12	9h15 ngày 05/3/2022	A8.12	
466	4451300195	Huỳnh Phạm	Trường	28/09/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.12	9h15 ngày 05/3/2022	A8.12	
467	4451300234	Tô Nhật	Anh	07/03/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.12	9h15 ngày 05/3/2022	A8.12	
468	4451300236	Trần Như	Ân	18/05/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.12	9h15 ngày 05/3/2022	A8.12	
469	4451300269	Bùi Anh	Minh	11/06/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.12	9h15 ngày 05/3/2022	A8.12	
470	4451300284	Đặng Anh	Tài	23/05/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.12	9h15 ngày 05/3/2022	A8.12	
471	4451300309	Phạm Huỳnh	Đức	27/10/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.12	9h15 ngày 05/3/2022	A8.12	

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thời gian thi Môn Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Phòng thi	Thời gian thi Môn Công tác quốc phòng và an ninh	Phòng thi	Ghi chú
472	4451300323	Nguyễn Trung	Nam	14/06/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.12	9h15 ngày 05/3/2022	A8.12	
473	4451300325	Huỳnh Lê Ngọc	Hiếu	04/07/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.12	9h15 ngày 05/3/2022	A8.12	
474	4451300327	Trần Văn	Nhân	10/09/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.12	9h15 ngày 05/3/2022	A8.12	
475	4451300333	Trần Nguyễn Hoàng	Thái	23/12/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.12	9h15 ngày 05/3/2022	A8.12	
476	4451300346	Nguyễn Lê	Dương	07/01/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.12	9h15 ngày 05/3/2022	A8.12	
477	4451300347	Hồ Sỹ	Đạt	07/04/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.12	9h15 ngày 05/3/2022	A8.12	
478	4451300348	Nguyễn Quốc	Đạt	28/05/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.12	9h15 ngày 05/3/2022	A8.12	
479	4451300358	Tô Vương Gia	Hoài	23/02/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.12	9h15 ngày 05/3/2022	A8.12	
480	4451300361	Nguyễn Hiếu	Hoà	12/12/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.12	9h15 ngày 05/3/2022	A8.12	
481	4451300363	Lê Đông	Huy	06/07/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.12	9h15 ngày 05/3/2022	A8.12	
482	4451300364	Nguyễn Quang	Huy	28/07/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.12	9h15 ngày 05/3/2022	A8.12	
483	4451300365	Nguyễn Quốc	Huy	15/01/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.12	9h15 ngày 05/3/2022	A8.12	
484	4451300368	Bùi Quang	Huy	10/04/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.12	9h15 ngày 05/3/2022	A8.12	
485	4451300370	Lê Dương Đăng	Khoa	17/05/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.12	9h15 ngày 05/3/2022	A8.12	
486	4451300371	Nguyễn Minh	Khuê	18/10/2001	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.12	9h15 ngày 05/3/2022	A8.12	
487	4451300372	Phạm Minh	Khương	07/12/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.12	9h15 ngày 05/3/2022	A8.12	
488	4451300374	Nguyễn Anh	Kiệt	06/10/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.12	9h15 ngày 05/3/2022	A8.12	
489	4451300376	Trần Tuấn	Kiệt	21/04/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.12	9h15 ngày 05/3/2022	A8.12	

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thời gian thi Môn Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Phòng thi	Thời gian thi Môn Công tác quốc phòng và an ninh	Phòng thi	Ghi chú
490	4451300377	Nguyễn Thanh	Lâm	17/12/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.12	9h15 ngày 05/3/2022	A8.12	
491	4451300392	Châu Văn	Nhân	13/05/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.12	9h15 ngày 05/3/2022	A8.12	
492	4451300394	Nguyễn Công	Nhật	07/04/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.12	9h15 ngày 05/3/2022	A8.12	
493	4451300396	Nguyễn Văn	Nhật	08/07/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.12	9h15 ngày 05/3/2022	A8.12	
494	4451300397	Phạm Đoàn Tấn	Nhật	09/10/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.12	9h15 ngày 05/3/2022	A8.12	
495	4451300399	Nguyễn Thành	Nhiệm	19/11/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.12	9h15 ngày 05/3/2022	A8.12	
496	4451300401	Nguyễn Trường	Phi	14/12/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.12	9h15 ngày 05/3/2022	A8.12	
497	4451300410	Nguyễn Trọng	Quỳnh	27/05/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.12	9h15 ngày 05/3/2022	A8.12	
498	4451300388	Phan Bùi	Nguyên	18/06/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.12	9h15 ngày 05/3/2022	A8.12	
499	4451300047	Trần Quốc	Định	12/05/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.2	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.2	
500	4451300124	Dương Văn	Minh	05/02/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.2	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.2	
501	4451300163	Nguyễn Hoàng	Tâm	21/06/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.2	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.2	
502	4451300205	Lê Hoàng Anh	Tuấn	29/06/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.2	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.2	
503	4451300268	Nguyễn Văn	Lượng	13/11/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.2	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.2	
504	4451300271	Lê Trọng	Nghĩa	04/05/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.2	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.2	
505	4451300278	Lang Trường	Quân	16/12/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.2	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.2	
506	4451300290	Nguyễn Minh	Thiện	18/02/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.2	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.2	
507	4451300291	Lê Duy	Thịnh	21/11/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.2	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.2	

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thời gian thi Môn Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Phòng thi	Thời gian thi Môn Công tác quốc phòng và an ninh	Phòng thi	Ghi chú
508	4451300299	Huỳnh Đình	Trọng	10/08/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.2	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.2	
509	4451300302	Phan Quốc	Tuấn	05/09/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.2	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.2	
510	4451300303	Phan Trần Anh	Tuấn	03/02/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.2	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.2	
511	4451300305	Trương Công	Bắc	20/05/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.2	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.2	
512	4451300312	Nguyễn Xuân	Huy	07/02/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.2	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.2	
513	4451300316	Đỗ Tuấn	Kiệt	21/02/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.2	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.2	
514	4451300320	Nguyễn Phan Hoài	Linh	01/10/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.2	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.2	
515	4451300329	Phạm Công	Nhật	18/06/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.2	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.2	
516	4451300334	Nguyễn Ngọc	Thọ	16/11/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.2	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.2	
517	4451300336	Nguyễn Bảo	Tiên	13/05/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.3	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.3	
518	4451300338	Hồ Trung	Tín	21/10/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.3	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.3	
519	4451300413	Trần Minh Tài	Nguyên	27/06/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.3	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.3	
520	4451300426	Nguyễn Đức	Tín	19/10/2002	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.3	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.3	
521	4451300427	Nguyễn Hồ Bảo	Tín	01/09/2002	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.3	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.3	
522	4451300429	Nguyễn Minh	Triết	24/02/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.3	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.3	
523	4451300444	Huỳnh Tấn	Huy	01/03/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.3	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.3	
524	4451300446	Lê Thế	Long	12/08/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.3	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.3	
525	4451300450	Võ Khôi	Nguyên	20/04/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.3	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.3	

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thời gian thi Môn Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Phòng thi	Thời gian thi Môn Công tác quốc phòng và an ninh	Phòng thi	Ghi chú
526	4451300452	Trương Khoa	Phùng	30/01/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.3	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.3	
527	4451300453	Nguyễn Văn	Thưởng	08/10/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.3	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.3	
528	4451300455	Cao Văn	An	18/05/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.3	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.3	
529	4451300459	Đoàn Ngọc	Đại	01/04/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.3	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.3	
530	4451300462	Nguyễn Đức	Huy	15/07/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.3	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.3	
531	4451300465	Trần Duy	Khang	18/09/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.3	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.3	
532	4451300466	Ngô Quang	Khải	12/01/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.3	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.3	
533	4451300467	Nguyễn Quốc	Khánh	29/11/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.3	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.3	
534	4451300469	Trương Tuấn	Kiệt	15/10/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.3	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.3	
535	4451300471	Trần Hiệp	Sĩ	21/12/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.3	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.3	
536	4451300472	Nguyễn Văn	Tài	28/03/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.3	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.3	
537	4451300473	Nguyễn Hữu	Thiện	10/10/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.3	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.3	
538	4451300474	Trần Quốc	Thiện	25/09/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.3	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.3	
539	4451300475	Phan Vô	Thường	26/11/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.3	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.3	
540	4451300477	Lê Văn	Trịnh	15/02/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.3	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.3	
541	4451300484	Nguyễn Ngọc	Ẩn	17/09/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.3	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.3	
542	4451300491	Trần Nhật	Dệ	24/11/2002	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.3	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.3	
543	4451300497	Lê Chí	Hoài	23/02/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.3	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.3	

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thời gian thi Môn Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Phòng thi	Thời gian thi Môn Công tác quốc phòng và an ninh	Phòng thi	Ghi chú
544	4451300500	Trương Quốc	Hưng	15/12/2002	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.3	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.3	
545	4451300501	Nguyễn Thị Lan	Hương	10/05/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.3	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.3	
546	4451300508	Nguyễn Hữu	Sĩ	10/04/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.3	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.3	
547	4451300511	Nguyễn Trịnh Duy	Tân	04/03/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.3	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.3	
548	4451300515	Ngô Xuân	Thương	20/10/2002	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.3	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.3	
549	4451300521	Võ Đức	Triển	20/12/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.3	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.3	
550	4451300531	Lê Hoài	Thương	17/02/2001	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	HT.A.3	9h15 ngày 05/3/2022	HT.A.3	
551	4456060001	Nguyễn Lê Vân	Danh	30/04/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.22	9h15 ngày 05/3/2022	A8.22	
552	4456060007	Nguyễn Tuấn	Hải	14/03/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.22	9h15 ngày 05/3/2022	A8.22	
553	4456060015	Lê Trâm	Kha	21/05/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.22	9h15 ngày 05/3/2022	A8.22	
554	4456060016	Phan Hoàng	Khánh	25/11/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.22	9h15 ngày 05/3/2022	A8.22	
555	4456060017	Trần Phùng Quang	Khoa	16/06/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.22	9h15 ngày 05/3/2022	A8.22	
556	4456060018	Nguyễn Phong	Lan	04/11/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.22	9h15 ngày 05/3/2022	A8.22	
557	4456060029	Nguyễn Lê Hàm	Nhi	01/08/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.22	9h15 ngày 05/3/2022	A8.22	
558	4456060033	Phạm Như	Quỳnh	05/11/2001	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.22	9h15 ngày 05/3/2022	A8.22	
559	4456060045	Nguyễn Thị Yến	Vy	18/10/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.22	9h15 ngày 05/3/2022	A8.22	
560	4456060053	Nguyễn Trần Phương	Thảo	05/05/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.22	9h15 ngày 05/3/2022	A8.22	
561	4456060055	Lương Ngọc	Huy	27/06/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.22	9h15 ngày 05/3/2022	A8.22	

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thời gian thi Môn Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Phòng thi	Thời gian thi Môn Công tác quốc phòng và an ninh	Phòng thi	Ghi chú
562	4456060057	Lê Thị Tuyết	Sương	28/08/2002	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.22	9h15 ngày 05/3/2022	A8.22	
563	4456060065	Đỗ Lê Diệu	Hương	27/12/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.22	9h15 ngày 05/3/2022	A8.22	
564	4456060068	Trương Thị Mỹ	Lệ	08/11/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.22	9h15 ngày 05/3/2022	A8.22	
565	4456060072	Trần Thái Đức	Quang	17/11/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.22	9h15 ngày 05/3/2022	A8.22	
566	4456060086	Phan Trần Thị Mỹ	Hà	16/05/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.22	9h15 ngày 05/3/2022	A8.22	
567	4456080001	A	Anh	20/01/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.1	
568	4456080002	Trần Thị Lan	Anh	31/05/2002	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.1	
569	4456080003	Lê Ngọc	Ánh	01/01/2001	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.1	
570	4456080014	Lê Thị Thuý	Hằng	14/12/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.1	
571	4456080015	Phùng Thị	Hằng	04/04/2000	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.1	
572	4456080034	Nguyễn Huỳnh Bảo	Ngọc	19/11/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.1	
573	4456080035	Siu H' Ngọc	Hà	10/08/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.1	
574	4456080041	Nguyễn Thị Nhật	Quỳnh	31/08/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.1	
575	4456080048	Lương Thị Anh	Thư	27/08/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.1	
576	4456080063		Vũ	19/12/2001	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.1	
577	4456080071	Đinh Thị Ý	Vy	23/02/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.1	
578	4456080072	Võ Thị Quyên	Ánh	29/11/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.1	
579	4456080081	Võ Anh	Quân	29/05/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.1	

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thời gian thi Môn Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Phòng thi	Thời gian thi Môn Công tác quốc phòng và an ninh	Phòng thi	Ghi chú
580	4456080084	Mấu Thị Mai	Thi	20/05/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.1	
581	4456080089	A Lê	Nghiệp	20/05/1999	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.1	
582	4456080092	Rơ Châm	Uyn	10/07/2001	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.1	
583	4456080104	Rah Lan H'	Chang	02/05/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.1	
584	4456080122	Võ Thị Tuyết	Đông	21/08/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.1	
585	4456080123		Đuên	20/02/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.1	
586	4456080158	Cao Thị Quỳnh	Na	20/10/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.1	
587	4456080162	Ksor H'	Ngơn	05/11/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.1	
588	4456080165	Ksor H'	Nha	10/11/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.1	
589	4456080204	Trần Huyền	Trân	13/12/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.1	
590	4456080218		Bel	15/03/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.1	
591	4456080228	Puih H'	Thư	13/01/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.1	
592	4456080230	Rơ Mah H'	Hằng	10/07/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.1	
593	4456080234	Phạm Thị Bạch	Tuyết	18/06/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.1	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.1	
594	4456080236	Đặng Nguyễn Mai	Linh	05/07/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.2	
595	4456090001	Nguyễn Quốc	Anh	11/08/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.2	
596	4456090013	Trần Thị Tuyết	Dung	06/11/2002	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.2	
597	4456090026	Phạm Nguyễn Nhật	Huy	06/07/2000	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.2	

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thời gian thi Môn Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Phòng thi	Thời gian thi Môn Công tác quốc phòng và an ninh	Phòng thi	Ghi chú
598	4456090042	Võ Thị Bích	Ngọc	30/04/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.2	
599	4456090051	Phạm Thị Kim	Oanh	26/12/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.2	
600	4456090055	Huỳnh Tấn	Phú	28/09/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.2	
601	4456090060	Huỳnh Công	Thành	22/09/2000	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.2	
602	4456090069	Ngô Thị Bích	Thuỷ	11/01/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.2	
603	4456090083	Nguyễn Thanh	Tự	04/02/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.2	
604	4456090088	Đặng Trần Hà	Miên	03/02/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.2	
605	4456090096	Nguyễn Đặng Kim	Ngân	21/09/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.2	
606	4456090099	Nguyễn Thị Kim	Dung	13/04/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.2	
607	4456090100	Trần Phương Bảo	Ngọc	10/10/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.2	
608	4456090104	Trần Thị Hương	Giang	15/07/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.2	
609	4456090105	Nguyễn Nữ Như	Hà	08/03/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.2	
610	4456090118	Lê Ngọc	Hải	14/05/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.2	
611	4456090136	Võ Phi	Phụng	11/08/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.2	
612	4456090163	Trần Võ Anh	Thư	14/07/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.2	
613	4456110009	Nguyễn Thị Hồng	Vi	05/02/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.2	
614	4456110013	Lê Đặng Bích	Ngọc	10/04/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.2	
615	4456110025	Nguyễn Thị Thảo	Vy	25/04/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.2	

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thời gian thi Môn Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Phòng thi	Thời gian thi Môn Công tác quốc phòng và an ninh	Phòng thi	Ghi chú
616	4456110027	Ngô Phan Mỹ	Hường	20/12/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.2	
617	4456110033	Ngô Thị Xuân	Mai	30/03/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.2	
618	4456110045	Võ Thị	Thao	25/11/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.2	
619	4456110046	Đinh Thị Thuỷ	Trang	22/12/2003	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.2	
620	4456110050	Rơ Châm	Đốk	20/12/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.2	
621	4456110051	Nay Ring	Gô	28/01/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.2	
622	4456110060	H Nga	Niê	18/01/2002	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.2	
623	4456110068	Nguyễn Thị Thu	Trang	07/10/2002	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.2	
624	4456110080	Đỗ Phạm Lan	Anh	26/09/2001	Nữ	7h30 ngày 05/3/2022	A8.14.2	9h15 ngày 05/3/2022	A8.14.2	
625	4451300314	Trần Văn	Khang	13/12/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.13	9h15 ngày 05/3/2022	A8.13	
626	4451300210	Nguyễn Văn	Tùng	22/07/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.13	9h15 ngày 05/3/2022	A8.13	
627	4451050446	Phạm Nguyễn Nhân	Văn	12/09/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.13	9h15 ngày 05/3/2022	A8.13	
628	4451190088	Vũ Thành	Luân	12/08/2003	Nam	7h30 ngày 05/3/2022	A8.13	9h15 ngày 05/3/2022	A8.13	